**DOCUMENT HISTORY AND INFORMATION**

**History of Amendments:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Date** | **Version** | **Modified Section** | **Summary of Change** | **Author** |
| 15/10/2024 | 0.1 | ALL | Initial Draft | Nguyễn Phương Nhã |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Distributed for Review

This document has been distributed for the following to review:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | **Title & Company** | **Issue Date** | **Revision** |
|  |  |  |  |

Approvals

This document requires the following approvals:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | **Signature** | **Title** | **Issue Date** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Associated Documents

This document is associated with the following other documents:

| Name | Title and Originator’s Reference | Source | Issue Date | Version |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |

Table of contents

[1 Introduction 3](#_Toc180095157)

[2 Purpose 3](#_Toc180095158)

[3 Scope 3](#_Toc180095159)

[4 Definitions, Acronyms and Abbreviations 3](#_Toc180095160)

[5 Functionality Requirements 3](#_Toc180095161)

[5.1 Order Product, Cancel Order 3](#_Toc180095162)

[5.1.1 Order Products 3](#_Toc180095163)

[5.1.2 Payment 5](#_Toc180095164)

[5.1.3 Cancel Order 5](#_Toc180095165)

# [Introduction](file:///C:\\Documents%20and%20Settings\\JacobJ01\\Local%20Settings\\Temporary%20Internet%20Files\\OLK41\\Supplementary%20Spec.htm" \l "1. Introduction#1. Introduction)

Lazada là một nền tảng thương mại điện tử hàng đầu tại Đông Nam Á, kết nối người tiêu dùng với nhiều loại sản phẩm, bao gồm điện tử, thời trang, đồ gia dụng và nhiều hơn nữa. Nền tảng này giúp các nhà bán hàng dễ dàng quản lý cửa hàng trực tuyến của họ, đồng thời mang đến cho người tiêu dùng trải nghiệm mua sắm liền mạch với các tính năng so sánh sản phẩm, giao hàng nhanh chóng và nhiều tùy chọn thanh toán. Với các chính sách bảo vệ người tiêu dùng mạnh mẽ và các chương trình khuyến mãi hấp dẫn, Lazada đã xây dựng được một lượng lớn người dùng trung thành trong khu vực.

# [Purpose](file:///C:\Documents%20and%20Settings\JacobJ01\Local%20Settings\Temporary%20Internet%20Files\OLK41\Supplementary%20Spec.htm#1.1 Purpose#1.1 Purpose)

Mục đích của tài liệu SRS này là:

1. **Xác định yêu cầu chức năng** cho các quy trình đặt hàng, thanh toán, và hủy đơn hàng trên nền tảng Lazada.
2. **Hướng dẫn phát triển và kiểm thử** để đảm bảo hệ thống đáp ứng đúng các yêu cầu đã nêu.
3. **Cải thiện trải nghiệm người dùng**, đảm bảo quy trình mua sắm diễn ra mượt mà.
4. **Hỗ trợ quản lý dự án**, cung cấp một kế hoạch chi tiết để theo dõi và điều chỉnh khi cần.

# [Scope](file:///C:\Documents%20and%20Settings\JacobJ01\Local%20Settings\Temporary%20Internet%20Files\OLK41\Supplementary%20Spec.htm#1.2 Scope#1.2 Scope)

Phạm vi của SRS này bao gồm việc mô tả chi tiết các tính năng liên quan đến quy trình **đặt hàng, thanh toán, và hủy đơn hàng** trên nền tảng thương mại điện tử Lazada

# [Definitions, Acronyms and Abbreviations](file:///C:\Documents%20and%20Settings\JacobJ01\Local%20Settings\Temporary%20Internet%20Files\OLK41\Supplementary%20Spec.htm#1.3 Definitions, Acronyms and Abbreviations#1.3 Definitions, Acronyms and Abbreviations)

<TBD>

# Functionality Requirements

## Order Product, Cancel Order

### Order Products

Chức năng này có phép người dùng có thể mua các sản phẩm trên sàn. Người dùng có thể chọn vào 1 sản phẩm bất kỳ mà họ muốn. Tại trang chi tiết sản phẩm người dùng có thể mua sản phẩm mà họ muốn.

**Điều kiện tiên quyết:**

* Sản phẩm phải còn hàng trên hệ thống
* Người dùng phải đăng nhập

**Luồng đặt đơn hàng:**

1. Tại trang chi tiết sản phẩm, người dùng chọn phân loại sản phẩm, số lượng mua và nhấn vào nút **Buy now.** Hệ thống sau đó sẽ chuyển người dùng đến trang **Checkout.**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

1. Tại trang **Checkout**, người dùng kiểm tra lại địa chỉ, sản phẩm, phân loại kèm số lượng. Người dùng có thể thêm mã giảm giá (nếu có) vào khung **Enter voucher code** sau đó nhấn nút **Apply** để áp dụng mã giảm giá.
2. Người dùng chọn phương thức thanh toán. Người dùng có thể nhấn vào liên kết **View all methods** để xem tất cả phương thức thanh toán.
3. Người dùng nhấn nút **Proceed to payment** để tiến hành thanh toán đơn hàng.

Trang **Checkout có nội dung như sau:**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Các ràng buộc trên trang Checkout:

* Tại phần **Shipping Address** phải tải từ cơ sở dữ liệu địa chỉ mặc định của người dùng.
* Có thể cho người dùng thay đổi thông tin giao hàng bằng liên kết **Edit**
* Tại **Select Payment Method** phải chọn phương thức thanh toán khả dụng cho người dùng, nếu không có phương thức thanh toán nào khác khả dụng thì chọn phương thức thanh toán **Cash On Delivery.**
* Khung **Enter voucher code**  có thể nhập hoặc không. Nếu voucher không hợp lệ thì phải báo lỗi cho người dùng. A screen shot of a computer error

  Description automatically generated
* Nếu chỉ có 1 sản phẩm trong trang **Checkout** thì khi nhấn nút xoá sẽ không xoá sản phẩm và thông báo “Bạn cần ít nhất 1 sản phẩm để mua hàng”.

### Payment

Tính năng thanh toán này cho phép người dùng thanh toán đơn hàng của mình.

**Điều kiện tiên quyết:**

* Người dùng phải đăng nhập vào hệ thống.
* Người dùng phải có đơn hàng đang được checkout.

**Luồng thực hiện thanh toán:**

1. Tại trang **Checkout** người dùng chọn 1 phương thức thanh toán.
2. Nhấn nút **Proceed To Payment.**
3. Thực hiện thanh toán.

**Luồng khác:**

* Đối với phương thức thanh toán là **Cash on delivery** thì thông báo cho người dùng “Cảm ơn bạn đã thanh toán” và nhắc người dùng chuẩn bị đủ số tiền khi nhận hàng.
* Đối với các phương thức thanh toán qua bên thứ 3 như Ngân hàng, Momo, …:

1. Chuyển trang sang bên chấp nhận thanh toán.
2. Người dùng tiến hành thanh toán.
3. Nhận kết quả thanh toán từ bên chấp nhận thanh toán và hiển thị cho người dùng.

### Cancel Order

Chức năng này cho phép người dùng hủy đơn hàng trong những điều kiện nhất định. Người dùng truy cập trang **My Orders** để xem tất cả các đơn hàng của họ và có thể bắt đầu quá trình hủy đơn nếu trạng thái đơn hàng đủ điều kiện.

**Điều kiện tiên quyết:**

* Người dùng phải có đơn hàng với trạng thái đang là **Awaiting Payment**, **Seller to Pack** hoặc **To Ship**.
* Liên kết **Cancel** chỉ hiển thị khi đơn hàng có trạng thái thỏa mãn các điều kiện trên.

Trạng thái đơn hàng được hiển thị ở góc trên bên phải của đơn hàng trong trang **My Orders**.

**Luồng hủy đơn hàng:**

1. Người dùng điều hướng đến trang **My Orders**, nơi tất cả các đơn hàng của họ được hiển thị.
2. Nếu trạng thái đơn hàng là **Awaiting Payment**, **Seller to Pack** hoặc **To Ship**, người dùng nhấp vào đơn hàng. Trong trang **Order Details**, liên kết **Cancel** sẽ hiển thị. Người dùng nhấp vào liên kết **Cancel**.
3. Hệ thống chuyển hướng người dùng đến trang **Request Cancellation**.

**Trang Request Cancellation như sau:**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Khi đến trang **Request Cancellation**, người dùng phải:

* Chọn lý do hủy đơn hàng từ menu thả xuống. (Các tùy chọn được tải từ cơ sở dữ liệu.)
* Hệ thống hiển thị chính sách hủy đơn hàng để đảm bảo người dùng biết các hậu quả khi hủy đơn hàng. Người dùng phải xác nhận rằng họ đã đọc và chấp nhận chính sách này bằng cách đánh dấu vào ô xác nhận.
* Tùy chọn: Người dùng có thể cung cấp thêm thông tin (giới hạn 256 ký tự).
* Sau khi hoàn thành các trường bắt buộc, người dùng nhấn nút **Submit** để gửi yêu cầu hủy đơn hàng.

**Trong trang Request Cancellation, có một số quy tắc:**

* Các trường bắt buộc:
  + Checkbox sản phẩm phải được chọn.
  + Phải chọn **Cancellation Reason**.
  + Checkbox chấp nhận chính sách hủy đơn hàng của người dùng phải được đánh dấu.
* Các trường tùy chọn:
  + **Additional Information** (không được vượt quá 256 ký tự).
  + Hệ thống phải ngăn chặn việc gửi yêu cầu nếu bất kỳ trường bắt buộc nào chưa được điền.
  + Các tùy chọn **Cancellation Reason (Select a Reason)** phải được tải động từ cơ sở dữ liệu khi trang được hiển thị.
* Nếu thông tin bổ sung vượt quá giới hạn 256 ký tự, người dùng phải được nhắc rút ngắn văn bản trước khi gửi.